

Y.FISH 养殖技术指导资料 NO.1- Tài liệu hướng dẫn kỹ thuật nuôi trồng Y.FISH - Văn bản



搅拌料技术

Kỹ thuật phối trộn thức ăn

1. 饲料加水加鱼油比例:

1. Tỷ lệ phối trộn nước và dầu cá trong thức ăn:

鳗鱼配合饲料与水与鱼油的比例一般为 1000g(饲料):1200g~1500g(水):30g~50g(鱼油)

Tỷ lệ thông thường giữa thức ăn công nghiệp cho cá chình với nước và dầu cá là:

1000g (thức ăn) : 1200g ~ 1500g (nước) : 30g ~ 50g (dầu cá)

鳗鱼越小摄食的饲料团需越软，饲料中加水比例越大。拌料时要按预先设定的水比例一次性加足水，决不能一开始加少了，之后边加水边搅拌，这样会破坏粘弹性。加入鱼油后料率将提升 10%-20%，鱼体表面光滑且肉质细腻。品质更高。

Cá chình càng nhỏ thì thức ăn càng cần mềm hơn, do đó tỷ lệ nước càng phải cao. Khi trộn, cần cho toàn bộ lượng nước theo tỷ lệ đã định ngay từ đầu, không nên chia nhỏ hoặc thêm từ từ trong lúc trộn, vì điều này sẽ làm giảm độ dính đàn hồi của thức ăn. Sau khi cho thêm dầu cá, hiệu suất sử dụng thức ăn sẽ tăng 10%-20%, giúp da cá bóng mượt và thịt cá mềm hơn – từ đó nâng cao chất lượng.

2. 搅拌时间:

2. Thời gian trộn:

拌料时要一边拌一边用手或割刀将料团按下压平，要求连续搅拌 4~5min 才能达到鳗鱼所需的粘弹性。拌料时间不足，弹性差，会粘到搅拌机、割刀、装料桶、料盘和手，甚至会粘到鳗鱼的嘴，使鳗鱼摄食不良，且残饵多；

Trong quá trình trộn, vừa trộn vừa dùng tay hoặc dao trộn ấn và nén thức ăn để đạt độ mịn và kết dính đều. Cần trộn liên tục từ 4 đến 5 phút để đạt được độ dính đàn hồi thích hợp với nhu cầu tiêu hóa của cá chình. Nếu trộn không đủ thời gian, thức ăn sẽ kém đàn hồi, dễ bám dính vào máy trộn, dao trộn, thùng chứa, máng ăn và tay người, tệ hơn, có thể dính vào miệng cá khiến cá ăn kém và để lại nhiều thức ăn thừa.

3.投喂时间

3. Thời điểm cho ăn:

鳗鱼饲料中的粘性主要靠 α -淀粉，而 α -淀粉在鳗鱼饲料拌成团块后随着时间的延长，弹性会逐渐变差；因此，饲料拌好后应尽快投喂；同时，需将鳗鱼驯化在不超过 5min 内吃完，一般从拌出到饲料吃完不超过 8min；吃不完的饲料即刻捞出，否则会产生较多残饵。通过使用 Y.FISH 品牌饲料及 Y.FISH 技术团队指导后将在 3 分钟内吃完。

Độ dính của thức ăn cá chình chủ yếu nhờ tinh bột α (alpha-starch). Sau khi trộn thành khối, theo thời gian, độ đàn hồi sẽ giảm. Do đó, sau khi trộn xong cần cho cá ăn ngay. Đồng thời cần huấn luyện để cá ăn hết trong vòng 5 phút. Tính từ lúc trộn xong đến khi cá ăn hết không nên vượt quá 8 phút. Phần thức ăn còn lại cần được vớt bỏ ngay để tránh dư thừa. Khi sử dụng thức ăn thương hiệu Y.FISH và áp dụng đúng kỹ thuật do đội ngũ Y.FISH hướng dẫn, cá có thể ăn hết trong vòng 3 phút.

4.添加油脂 (Y.FISH 鱼油):

4. Bổ sung chất béo (Dầu cá Y.FISH):

鳗鱼营养要求高蛋白和高脂肪，鳗鱼需求的脂肪最高可达 20%；而目前鳗鱼饲料中脂肪含量仅 6%~7%，远远达不到鳗鱼的营养需求。因此，在鳗鱼饲料中一定要添加脂肪。据研究，鳗鱼需要的脂肪中包含 $\omega 3$ 和 $\omega 6$ 不饱和脂肪酸。而 Y.FISH 品牌鱼油已根据所需营养参数研发，所生产的鱼油可以有效解决这个问题，让饲料转化率提高 10%-20%。在缩短养殖周期的同时节约大量饲料成本。

Cá chình có nhu cầu dinh dưỡng rất cao về protein và chất béo, trong đó tỷ lệ chất béo cần thiết có thể lên tới 20%. Tuy nhiên, trong thức ăn thương mại hiện nay chỉ chứa khoảng 6%-7% chất béo, chưa đáp ứng đủ. Do đó, cần bổ sung thêm dầu cá. Theo nghiên cứu, chất béo cần thiết cho cá chình bao gồm acid béo không bão hòa ω -3 và ω -6. Dầu cá Y.FISH đã được phát triển theo đúng thông số dinh dưỡng này, giúp tăng hiệu suất chuyển hóa thức ăn 10%-20%, rút ngắn chu kỳ nuôi và tiết kiệm chi phí.

5.投喂次数

5. Số lần cho ăn mỗi ngày

据研究，日投喂 2~6 次对鳗鱼的生长影响不大，但对鳗鱼生长的均匀度即大小有影响。因此建议：在白仔鳗和黑仔鳗阶段日投喂 3 次，在幼鳗和成鳗阶段日投喂 2 次。但在高温（30℃以上）时和在低温（15℃以下）时日投喂 1 次即可，分别在凌晨 2：00~4:00,气温最低时和下午 14:00~16:00 时气温最高时进行投喂。每日固定时间，固定地点投喂。

Nghiên cứu cho thấy cho ăn 2~6 lần/ngày không ảnh hưởng nhiều đến tốc độ tăng trưởng, nhưng ảnh hưởng đến sự đồng đều về kích cỡ. Khuyến nghị: Với cá chình trắng và đen (白仔鰻, 黑仔鰻): cho ăn 3 lần/ngày. Với cá chình non và trưởng thành: cho ăn 2 lần/ngày.

Trong điều kiện nhiệt độ khắc nghiệt: Trên 30°C hoặc dưới 15°C: chỉ cần 1 lần/ngày, vào 2:00~4:00 sáng (lúc nhiệt độ thấp nhất) hoặc 14:00~16:00 chiều (lúc nhiệt độ cao nhất). Cho ăn đúng thời gian và đúng địa điểm mỗi ngày để tạo thói quen cho cá.

6. 控料技术

6. Kỹ thuật kiểm soát lượng thức ăn:

鰻鱼饲料的投喂量的实践和研究已较成熟，一般白仔鰻和黑仔鰻阶段投喂量控制在 3%~5%，幼鰻和成鰻阶段投喂量控制在 1.2%~2.5%。由于酶的作用，水温低时，鰻鱼自然吃不多，但随着水温越高，鰻鱼摄食越好，当水温达 30°C 时鰻鱼仍然吃得好，此时鰻鱼处于应激状态，体内代谢紊乱，造成残饵、粪便和代谢有毒物质多，水质易恶化，鰻鱼体质变弱，容易爆发疾病。因此，在下列情况应减少饲料投喂量：鰻鱼生病时，水质恶化时，消毒下药时，水体缺氧时，鰻鱼搬移动时，鰻鱼饥饿过长，天气异常（闷热，雷阵雨，温差大等）。特别是在夏季高温（30°C 以上）时，一定要至少减少投喂量 40%~50%，尤其是欧洲鰻鲡和美洲鰻鲡。

Lượng thức ăn phù hợp đã được nghiên cứu và thực nghiệm: Với cá chình trắng/đen: 3% ~ 5% trọng lượng cơ thể/ngày, với cá non/trưởng thành: 1.2% ~ 2.5% trọng lượng/ngày. Ở nhiệt độ thấp, do enzyme hoạt động kém, cá ăn ít là bình thường. Khi nhiệt độ tăng, cá ăn tốt hơn. Tuy nhiên, ở 30°C, cá tuy vẫn ăn tốt nhưng thực chất đang chịu stress, trao đổi chất rối loạn, dẫn đến dư thừa thức ăn, phân và các chất độc chuyển hóa, gây suy giảm chất lượng nước và sức đề kháng cá giảm, dễ gây bệnh. Vì vậy, trong các tình huống sau cần giảm lượng cho ăn: Cá bị bệnh, chất lượng nước kém, sau khi dùng thuốc hoặc khử trùng, thiếu oxy trong nước, khi di chuyển cá, cá đói lâu ngày, thời tiết thất thường (nóng bức, mưa giông, nhiệt độ thay đổi lớn...). Đặc biệt trong mùa hè (trên 30°C): Cần giảm ít nhất 40%–50% lượng thức ăn, nhất là đối với cá chình châu Âu và cá chình châu Mỹ.

7. 饲料种类选购指导



品 种 Chủng loại	指 标 Mức độ							
	粗蛋白质≥ Hàm lượng protein thô ≥	粗脂肪≥ Hàm lượng chất béo thô ≥	粗纤维≤ Hàm lượng chất xơ thô ≤	粗灰分≤ Hàm lượng tro thô ≤	总磷 Tổng lượng phốt pho (P)	钙 Hàm lượng canxi (Ca)	赖氨酸≥ Hàm lượng lysin ≥	
鳊鱼配合饲料-白仔 Thức ăn hỗn hợp cho cá chình – Cá trắng	51.5	3.0	0.8	16.0	0.8 ~ 3.0	1.0 ~ 3.5	2.2	小于 20g Dưới 20g
鳊鱼配合饲料-黑仔 Thức ăn hỗn hợp cho cá chình – Cá đen	48.0							大于 20g Trên 20g

8.保存方式

8. Phương pháp bảo quản

产品应贮存于干燥、阴凉、通风、防虫、鼠害的库房内，不得与有毒物品一起堆放

Sản phẩm cần được bảo quản ở nơi khô ráo, thoáng mát, thông gió tốt, tránh côn trùng và chuột gây hại.

Tuyệt đối không được đặt chung với các loại hàng hóa có độc tính.

